

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt Chương trình phát triển đô thị
thành phố Sóc Trăng đến năm 2030**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 05 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn và phân loại đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị;

Căn cứ Quyết định số 423/QĐ-TTg ngày 11 tháng 4 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Sóc Trăng đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1659/QĐ-TTg ngày 07 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị Quốc gia giai đoạn 2012 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 12/2014/TT-BXD ngày 25 tháng 08 năm 2014 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập, thẩm định và phê duyệt Chương trình phát triển đô thị;

Căn cứ Quyết định số 1418/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng phê duyệt điều chỉnh đề cương và dự toán kinh phí lập Chương trình xây dựng và phát triển đô thị thành phố Sóc Trăng định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 2789/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 3232/QĐ-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Sóc Trăng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng và Sở Xây dựng tỉnh Sóc Trăng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình phát triển đô thị thành phố Sóc Trăng đến năm 2030, với nội dung chủ yếu sau đây:

I. Quan điểm, mục tiêu phát triển đô thị:

1. Quan điểm:

- Việc xây dựng triển khai thực hiện chương trình bám sát chủ trương, đường lối Đảng, quán triệt quan điểm phát triển đô thị trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế.

- Huy động nguồn lực và phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và cộng đồng xã hội tham gia vào công tác phát triển đô thị, đảm bảo phát triển đô thị bền vững, giữ gìn môi trường sinh thái.

- Đảm bảo tính đồng bộ, phù hợp với các giai đoạn phát triển đô thị thành phố Sóc Trăng theo quy hoạch chung thành phố và các quy hoạch khác; kết hợp hài hòa giữa chính trang với đầu tư xây dựng mới, giữ gìn, phát huy truyền thống, bản sắc văn hóa của địa phương.

2. Mục tiêu:

- Đến năm 2025: Là đô thị loại II, đảm bảo đạt các tiêu chuẩn đô thị loại II trực thuộc tỉnh theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị.

- Đến năm 2030: Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện thành phố Sóc Trăng theo các tiêu chuẩn đô thị loại II; xây dựng thành phố có hệ thống hạ tầng phát triển đồng bộ, có kiến trúc, cảnh quan hiện đại; là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, khoa học kỹ thuật, an ninh quốc phòng của tỉnh Sóc Trăng; có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của vùng đồng bằng sông Cửu Long.

II. Các chỉ tiêu chính về phát triển đô thị thành phố Sóc Trăng theo các giai đoạn:

Trên cơ sở hiện trạng hệ thống hạ tầng đô thị của thành phố Sóc Trăng và các tiêu chuẩn đô thị loại II theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, phấn đấu xây dựng thành phố Sóc Trăng đạt các tiêu chí đô thị loại II vào năm 2025, cụ thể như sau:

1. Giai đoạn đến năm 2025:

Tập trung xây dựng hệ thống hạ tầng, nâng cao chất lượng đô thị của thành phố theo các tiêu chí đô thị loại II, cụ thể:

- Diện tích sàn nhà ở bình quân đạt $29 \text{ m}^2/\text{người}$; Tỷ lệ nhà kiên cố đạt 97%.
- Tỷ lệ đất giao thông so với diện tích đất xây dựng đô thị đạt từ 20%; Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng đáp ứng nhu cầu đạt từ 15% trở lên.
- Tỷ lệ dân cư đô thị được cấp nước sạch đạt 100%, tiêu chuẩn cấp nước đạt 125 lít/người/ngày.đêm.
- Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật đạt 40%; Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý tại khu chôn lấp hợp vệ sinh hoặc tại các nhà máy đốt, nhà máy chế biến rác thải đạt 100%; Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý, tiêu hủy, chôn lấp an toàn sau xử lý, tiêu hủy đạt 100%.
- Tỷ lệ chiếu sáng đường phố chính và khu nhà ở, ngõ xóm đạt 100%; Tỷ lệ ngõ hẻm được chiếu sáng đạt 90%.
- Đất cây xanh toàn đô thị đạt $12 \text{ m}^2/\text{người}$; Đất cây xanh công cộng khu vực nội thị đạt $6 \text{ m}^2/\text{người}$.

2. Định hướng đến năm 2030:

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống hạ tầng đô thị theo tiêu chí đô thị loại II; phát triển hoàn chỉnh các khu chức năng của thành phố như các công trình công cộng; phát triển hệ thống cây xanh, mặt nước, các không gian mở,... đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của đô thị loại II.

- Đầu tư cải tạo chỉnh trang các khu dân cư hiện hữu, các khu trung tâm công cộng,... đảm bảo kết hợp hài hòa không gian kiến trúc, cảnh quan với các khu ở mới.

- Mở rộng quy mô, không gian đô thị để đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị; đầu tư xây dựng các khu đô thị mới, công nghiệp công nghệ cao, các khu nghỉ dưỡng, du lịch,...

- Phát triển, mở rộng hệ thống kết cấu hạ tầng khung theo định hướng quy hoạch chung xây dựng thành phố, nâng cao vai trò, vị thế cạnh tranh của thành phố với các đô thị trong vùng đồng bằng sông Cửu Long.

III. Danh mục, lộ trình đầu tư các khu vực phát triển đô thị:

1. Danh mục khu vực phát triển đô thị:

Trên cơ sở quy hoạch chung xây dựng thành phố Sóc Trăng được duyệt, căn cứ thực trạng, tiềm năng và yêu cầu phát triển; định hướng các khu vực phát triển đô thị thành phố Sóc Trăng theo 05 hướng chính, cụ thể:

- Khu vực cải tạo đô thị trung tâm: Là khu vực đô thị cũ, tập trung chủ yếu các cơ quan ban, ngành, các khu ở hỗn hợp, khu ở chỉnh trang,... với quy mô khoảng 952 ha.

- Khu vực phát triển đô thị phía Bắc: Phát triển khu đô thị mới, cụm công nghiệp, chợ đầu mối, khu cảng sông,... với quy mô khoảng 5.844 ha.

- Khu vực phát triển đô thị phía Đông: Phát triển khu đô thị mới, Trung tâm hành chính, Trung tâm thể dục thể thao, khu lâm viên, khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái, khu bến bãi, kho tàng,... với quy mô khoảng 4.875 ha.

- Khu vực phát triển đô thị phía Nam: Phát triển khu đô thị mới, Trung tâm giáo dục đào tạo, khu bảo tồn chùa Mahatup, khu trung tâm thị trấn Mỹ Xuyên,... với quy mô khoảng 3.403 ha.

- Khu vực phát triển đô thị phía Tây: Phát triển khu đô thị mới, đầu mối giao thông quan trọng của thành phố Sóc Trăng theo tuyến Quốc lộ 1, khu sân bay, quân sự, đất dự trữ phát triển,... với quy mô 3.310 ha.

2. Lộ trình thực hiện các khu vực phát triển đô thị:

- Giai đoạn 2020 - 2025: Tập trung thực hiện việc cải tạo, nâng cấp khu vực đô thị trung tâm hiện hữu; ưu tiên đầu tư phát triển các trục đường giao thông, hạ tầng kết nối gồm tuyến Vành đai I, Vành đai II, cải tạo Quốc lộ 1 cũ,...; song song với đó là việc đầu tư xây dựng hình thành một số khu vực phát triển đô thị như xây dựng khu đô thị mới phường 4 (khu 1 và 2).

- Giai đoạn đến năm 2030: Thực hiện xây dựng các khu vực phát triển đô thị còn lại theo quy hoạch chung được duyệt.

(Chi tiết theo Phụ lục 1 đính kèm).

IV. Danh mục các dự án ưu tiên (hạ tầng kỹ thuật khung và công trình đầu mối) theo từng giai đoạn và nguồn lực thực hiện:

1. Danh mục dự án ưu tiên theo từng giai đoạn:

Căn cứ thực trạng phát triển đô thị của thành phố Sóc Trăng, nhằm đảm bảo mục tiêu xây dựng thành phố có hệ thống hạ tầng phát triển đồng bộ, có kiến trúc, cảnh quan hiện đại và đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, dự kiến một số danh mục dự án ưu tiên đầu tư phát triển giai đoạn 2020 - 2025 và 2026 - 2030.

(Chi tiết theo Phụ lục 2, Phụ lục 3 đính kèm).

2. Nguồn lực thực hiện:

- Nguồn vốn cho các công trình hạ tầng kỹ thuật khung, công trình hạ tầng kỹ thuật đầu mối, hạ tầng xã hội, nâng cấp chỉnh trang hạ tầng đô thị: Vốn ngân sách (trung ương, tỉnh, thành phố), vốn ODA và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

- Đối với các dự án xã hội hóa, kêu gọi đầu tư: Huy động các nguồn lực trong và ngoài nước tham gia thực hiện các dự án có khả năng khai thác để thu hồi vốn.

V. Đề xuất khu vực phát triển đô thị ưu tiên đầu tư giai đoạn đầu:

- Tổng diện tích khu vực ưu tiên giai đoạn đầu khoảng 4.613 ha.

- Khu vực cải tạo trung tâm: Ưu tiên đầu tư khu vực cải tạo đô thị trung tâm hiện hữu được giới hạn đến đường Phú Lợi, đường Lê Duẩn, đường Quốc 1 cũ, đường Vành đai I theo quy hoạch chung, diện tích khoảng 952 ha.

- Các khu vực phát triển đô thị mở rộng: Ưu tiên phát triển đô thị giai đoạn đầu đến đường Vành đai II theo quy hoạch chung, Quốc lộ 60 và đường tránh Quốc lộ 1.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Xây dựng:

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan hướng dẫn Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng thực hiện các quy hoạch, chương trình phát triển đô thị và lập hồ sơ đề xuất các khu vực phát triển đô thị trên địa bàn thành phố Sóc Trăng.

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình phát triển đô thị thành phố Sóc Trăng đã được phê duyệt; định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình thực hiện; kiến nghị điều chỉnh, bổ sung kịp thời các nội dung của Chương trình phát triển đô thị cho phù hợp với thực tiễn.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Căn cứ danh mục các dự án ưu tiên đầu tư theo Chương trình phát triển đô thị thành phố Sóc Trăng được duyệt:

- Hướng dẫn, hỗ trợ Ủy ban nhân dân thành phố trong việc thu hút đầu tư, huy động các nguồn lực để thực hiện.

- Làm đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh kiến nghị Bộ, ngành Trung ương, các cơ quan liên quan huy động và tổng hợp nguồn lực thực hiện mục tiêu Chương trình.

- Xem xét cân đối kế hoạch vốn hàng năm phù hợp với kế hoạch đầu tư

công trung hạn của tỉnh, đề xuất trình cấp có thẩm quyền hỗ trợ một phần cho ngân sách thành phố Sóc Trăng.

3. Các Sở, ngành có liên quan:

Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, hướng dẫn, hỗ trợ, kiểm tra, giám sát Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng triển khai thực hiện Chương trình phát triển đô thị thành phố Sóc Trăng.

4. Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng:

- Tổ chức công bố Chương trình phát triển đô thị thành phố Sóc Trăng đến năm 2030; lưu trữ hồ sơ và cung cấp thông tin đến các tổ chức, cá nhân liên quan để triển khai thực hiện theo quy định.

- Xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn, hàng năm để tổ chức thực hiện; lồng ghép các nội dung của Chương trình phát triển đô thị đã được phê duyệt vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hàng năm trên địa bàn.

- Phối hợp các cơ quan có liên quan tổ chức vận động, khai thác, điều phối các nguồn lực thực hiện Chương trình phát triển đô thị.

- Định kỳ hàng năm báo cáo kết quả và các vướng mắc, khó khăn, các đề xuất, kiến nghị (nếu có) trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình phát triển đô thị đã được phê duyệt về Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. *LS*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: XD, TH, KT, VX, VT. *LS*



Trần Văn Chuyền



**Phụ lục I: DANH MỤC, LỘ TRÌNH ĐẦU TƯ CÁC KHU VỰC
PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ**

*(Đính kèm Quyết định số 1643/QĐ-UBND ngày 22 / 6/2020 của
Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)*

STT	Khu vực phát triển đô thị	Quy mô	Đến năm 2025	Đến năm 2030
I	Các khu vực cải tạo đô thị			
1	Cải tạo khu vực đô thị trung tâm thành phố Sóc Trăng	952 ha	Cải tạo, nâng cấp hạ tầng các trục đường chính (đường Trần Hưng Đạo, đường Lê Duẩn, đường Hùng Vương, đường Điện Biên Phủ,...); Cải tạo các khu trung tâm công cộng, các khu công viên, cây xanh; xây dựng khu Đô thị mới Hồ Nước Ngọt, phát triển không gian di tích văn hóa.	Nâng cấp, cải tạo hệ thống hạ tầng các khu dân cư hiện hữu; mở rộng chỉnh trang các hẻm; Tổ chức không gian cảnh quan khu dân cư kết hợp xây chen các khu ở mới.
II	Khu vực bảo tồn, tôn tạo di tích, không gian văn hóa, đặc trưng đô thị			
1	Khu di tích Văn hóa, lịch sử Chùa Mahatup (chùa Dơi)		Trùng tu di tích	Phát triển du lịch văn hóa – di tích
2	Khu di tích Chùa Khleang		Trùng tu di tích	Phát triển du lịch văn hóa – di tích
3	Trục cảnh quan sông Maspero		Cải tạo nâng cấp đường giao thông, hạ tầng kỹ thuật, trồng cây xanh,..	Phát triển không gian kiến trúc cảnh quan tạo đặc trưng đô thị.
4	Trục cảnh quan sông Saintard		Cải tạo nâng cấp đường giao thông, hạ tầng kỹ thuật, trồng cây xanh,..	Phát triển không gian kiến trúc cảnh quan tạo đặc trưng đô thị.
III	Khu vực phát triển đô thị mở rộng			
1	Khu vực phát triển đô thị phía Bắc	5.844 ha	Ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng kết nối gồm tuyến Vành đai I, Vành đai II, cải tạo Quốc lộ 1 cũ; Xây dựng khu Chợ đầu mối phường 8, thành phố Sóc Trăng; Chỉnh trang khu vực cửa ngõ, nút giao thông đô thị.	Nâng cấp đường và cảnh quan dọc bờ Bắc sông Maspero; Xây dựng tuyến kết nối Quốc lộ 60 với cụm Công nghiệp thành phố, xây dựng các trục chính theo quy hoạch chung. Xây dựng khu đô thị mới - 300ha; phát

STT	Khu vực phát triển đô thị	Quy mô	Đến năm 2025	Đến năm 2030
				triển các khu chức năng, mở rộng khu Công nghiệp An Nghiệp.
2	Khu vực phát triển đô thị phía Đông	4.875 ha	Ưu tiên cải tạo hạ tầng kết nối với khu trung tâm gồm đường Mạc Đĩnh Chi, đường Lý Thường Kiệt, đường Bạch Đằng,... Xây dựng khu Đô thị mới phường 4 - khu 1&2; Xây dựng khu Lâm Viên, khu chức năng Hành chính, khu Trung tâm Thể dục thể thao.	Xây dựng đường Vành đai II, các trục chính theo quy hoạch chung; xây dựng khu Kho tàng, bến bãi phía Nam; Phát triển các khu chức năng, khu nghỉ dưỡng sinh thái, du lịch,...
3	Khu vực phát triển đô thị phía Nam	3.403 ha	Hoàn thiện dự án trục đường Bạch Đằng đi Dù Tho; Nâng cấp đường 30/4, đường Đoàn Thị Điểm, đường Dương Minh Quang,...	Xây dựng đường Vành đai II, các trục chính theo quy hoạch chung, nâng cấp đường Văn Ngọc Chính,... Xây dựng khu Đô thị mới 200ha, khu Trung tâm Giáo dục Đào tạo; phát triển các khu chức năng, khu Du lịch Chùa Dơi; nâng cấp hạ tầng trung tâm thị trấn Mỹ Xuyên.
4	Khu vực phát triển đô thị phía Tây	3.310 ha	Ưu tiên xây dựng hạ tầng kết nối: cải tạo Quốc lộ 1 cũ, đường Trần Quang Khải, đường Lê Hoàng Chu,... Xây dựng khu Bến xe tỉnh; chỉnh trang khu vực cửa ngõ, nút giao thông đô thị.	Cải tạo đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, xây dựng các trục chính theo quy hoạch chung; Xây dựng khu Đô thị mới 200 ha; phát triển các khu chức năng, khu Nông nghiệp Công nghệ cao, các khu nghỉ dưỡng,...
IV	Các khu chức năng chuyên biệt			
1	Khu Công nghiệp An Nghiệp	243 ha	Lắp đầy 100%	Mở rộng thêm 200ha
2	Khu Chợ đầu mối phường 8,	254 ha	Xây dựng 52,78 ha	Mở rộng quy mô lên

STT	Khu vực phát triển đô thị	Quy mô	Đến năm 2025	Đến năm 2030
	thành phố Sóc Trăng			254 ha
3	Khu Lâm viên thành phố Sóc Trăng	23 ha	Xây dựng	Khai thác, kinh doanh
4	Khu đô thị mới Hồ Nước Ngọt	47,13 ha	Xây dựng khu đô thị	
5	Khu Kho tàng, bến bãi phía Nam	64 ha		Xây dựng hạ tầng



**Phụ lục 2: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN GIAO THÔNG ĐỐI NGOẠI VÀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHUNG**

(Đính kèm Quyết định số **1643/QĐ-UBND** ngày **22 / 6/2020** của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

ĐVT: Triệu đồng.

STT	Công trình/dự án	Quy mô (mđ)	Khái toán	Vốn ngân sách tỉnh, thành phố, huy động khác		Vốn ngân sách trung ương, ODA, huy động khác	
				2020-2025	2026-2030	2020-2025	2026-2030
A	Danh mục các dự án nâng cấp, mở rộng các đường giao thông đối ngoại		1.870.881	335.016	467.212	469.529	599.124
	Giai đoạn 2020-2025						
1	Dự án cải tạo trục Quốc lộ 1 cũ, đoạn từ Quốc lộ 60 đến đường Trần Hưng Đạo	8.300	204.529			204.529	
2	Hoàn thiện Dự án đầu nối Đường tỉnh 934B và cầu Mạc Đình Chi		265.000			265.000	
3	Dự án cải tạo nâng cấp Đường tỉnh 934 (đoạn từ Quốc lộ 1 đi ngang qua thị trấn Mỹ Xuyên và đến hết ranh điều chỉnh quy hoạch chung thành phố)	8.800	335.016	335.016			
	Giai đoạn 2026 - 2030						
4	Dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 60 (đoạn trong ranh giới điều chỉnh quy hoạch chung).	6.460	159.187				159.187
5	Dự án nâng cấp, mở rộng Đường Phạm Hùng nối dài Đường tỉnh 933 (đến hết ranh điều chỉnh quy hoạch - xã Tân Thạnh).	9.480	467.212		467.212		
6	Dự án xây dựng Đường tỉnh 935B (nối Đường tỉnh 933 tại xã Tân Thạnh với Đường tỉnh 934 thuộc xã Tài Văn)	9.630	439.937				439.937
B	Danh mục các dự án hạ tầng kỹ thuật khung		3.287.412	1.053.615	2.233.797		

	Giai đoạn 2020-2025						
1	Dự án nâng cấp, kéo dài đường Trần Quang Khải	2.000	189.420	189.420			
2	Dự án nâng cấp mở rộng đường Hùng Vương	1.500	49.284	49.284			
3	Dự án nâng cấp, mở rộng đường 30/4	5.000	123.210	123.210			
4	Dự án nâng cấp trục giao thông đường Bạch Đằng	4.100	168.387	168.387			
5	Dự án xây dựng đoạn còn lại của đường Vành Đai I (đường Lê Duẩn nối dài, đoạn từ đường Phạm Hùng đến đường Hùng Vương).	3.500	172.494	172.494			
6	Dự án nâng cấp đường Nguyễn Văn Linh và đoạn kết nối cầu qua sông Maspero	2.350	96.515	96.515			
7	Dự án xây dựng đường Vành Đai II giai đoạn 1 (đoạn từ đường Phạm Hùng đến Quốc lộ 60).	5.160	254.305	254.305			
	Giai đoạn 2026 - 2030						
8	Dự án nâng cấp đường giao thông và cảnh quan dọc bờ Bắc sông Maspero.	7.000	431.235		431.235		
9	Dự án xây dựng đường Vành đai II giai đoạn 2 (đoạn từ đường Mạc Đĩnh Chi đến Quốc lộ 1 cũ).	8.500	418.914		418.914		
10	Dự án xây dựng tuyến kết nối Quốc lộ 60 với cụm công nghiệp thành phố	5.500	271.062		271.062		
11	Dự án nâng cấp đường Văn Ngọc Chính	3.000	73.926		73.926		
12	Dự án cải tạo nâng cấp đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	2.150	52.980		52.980		
13	Các dự án xây dựng mới các trục chính theo quy hoạch chung	20.000	985.680		985.680		





**Phụ lục 3: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN HẠ TẦNG KỸ THUẬT
VÀ HẠ TẦNG XÃ HỘI**

(Đính kèm Quyết định số **1643/QĐ-UBND** ngày **22 / 6 /2020** của
Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

ĐVT: Triệu đồng.

STT	Công trình, dự án	Khái toán	Vốn ngân sách tỉnh, thành phố và huy động khác		Vốn ngân sách trung ương, ODA và vốn huy động khác	
			2020-2025	2026-2030	2020-2025	2026-2030
	Danh mục các công trình Hạ tầng kỹ thuật và Hạ tầng xã hội ưu tiên đầu tư	5.540.596	1.047.538	1.140.000	2.103.058	1.250.000
I	Các công trình hạ tầng kỹ thuật					
1	Dự án xây dựng Bến xe tỉnh Sóc Trăng - 3,089ha	50.000	50.000			
2	Dự án xây dựng Nghĩa trang liệt sỹ tỉnh trên đường Tỉnh 934 - 14,1ha	169.000	169.000			
3	Dự án đầu tư hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Sóc Trăng giai đoạn 2 (427,058 tỷ)	427.058			427.058	
4	Dự án chỉnh trang, nâng cấp đô thị (các khu LIA, đang thực hiện - 1,046 tỷ).	1.046.000			1.046.000	
5	Các dự án cải tạo, nâng cấp lưới điện, ngầm hóa tuyến trung thế trên các trục chính (theo quy hoạch chi tiết phát triển lưới điện trung và hạ áp sau các trạm 110 kV)	202.538	202.538			
6	Các dự án đầu tư xây dựng các trạm trung chuyển rác cho thành phố Sóc Trăng.	30.000		30.000		
7	Các dự án cải tạo hệ thống hạ tầng; Nạo vét kênh thoát nước; Ngầm hóa hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu vực trung tâm, các trục chính;...	300.000	100.000	200.000		
8	Các dự án nâng cấp nhà máy nước; xây mới trạm cấp nước công suất 8.500m ³ /ngày.đêm (theo quy hoạch chung)	100.000			100.000	
9	Dự án nhà máy phát điện sử dụng chất thải rắn (5,0 ha, tại	1.000.000				1.000.000



STT	Công trình, dự án	Khái toán	Vốn ngân sách tỉnh, thành phố và huy động khác		Vốn ngân sách trung ương, ODA và vốn huy động khác	
			2020-2025	2026-2030	2020-2025	2026-2030
	khu xử lý rác thành phố)					
10	Dự án nhà máy xử lý chất thải công nghiệp, nguy hại (3.81 ha, tại khu xử lý rác thành phố)	150.000				150.000
11	Các dự án nâng cấp, cải tạo hạ tầng khu dân cư hiện hữu	200.000		200.000		
II	Các công trình hạ tầng xã hội					
1	Dự án xây dựng Khu Thể dục thể thao tỉnh Sóc Trăng	300.000	150.000	150.000		
2	Dự án xây dựng Khu Lâm viên thành phố Sóc Trăng	146.000	146.000			
3	Dự án xây dựng Khu thiết chế công đoàn tỉnh, tại Quốc lộ 60 - 4,7ha	530.000			530.000	
4	Dự án nâng cấp Trường Cao đẳng Cộng đồng thành trường Đại học Sóc Trăng	100.000				100.000
5	Các dự án đầu tư xây dựng giáo dục như: Trường THCS phường 6, Trường THCS, Trường THPT Tôn Đức Thắng và các trường THPT khác,...	150.000	100.000	50.000		
6	Dự án cải tạo, nâng cấp bệnh viện Phụ Sản Sóc Trăng	100.000		100.000		
7	Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện thành phố Sóc Trăng và các dự án bệnh viện, dịch vụ y tế tư nhân khác bằng nguồn vốn xã hội hóa.	300.000		300.000		
8	Các dự án đầu tư xây dựng nhà Tang lễ	40.000	40.000			
9	Các dự án nâng cấp, xây mới các khu công viên, cảnh quan,... khu vực trung tâm	50.000	20.000	30.000		
10	Các dự án xây dựng các khu công viên, văn hóa, thể thao khu vực	100.000	50.000	50.000		
11	Các dự án cải tạo trùng tu di tích Chùa Mahatup, Chùa Khleang,...	50.000	20.000	30.000		